

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2023
Về việc “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Công Thị Ph, sinh năm 1959(có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: TDP Đức Th, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Th, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: TDP Đức Th, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Công Thị Ph trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy Th có được tự do tìm hiểu và về chung sống cùng nhau từ năm 1975, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tuy nhiên hai vợ chồng không đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới thì bà về chung sống cùng ông Thêm ngay, vợ chồng có thời gian dài sinh sống, bình thường, hạnh phúc, đến năm 1985 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Thêm ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Duy Th.

Về con chung: Bà và ông Thêm có 04 con chung: Nguyễn Duy Hạnh, sinh năm 1977; Nguyễn Duy Huy, sinh năm 1979; Nguyễn Duy Thi, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1983, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, đã lập gia đình. Do đó, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung; ruộng đất, công sức: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, bà có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Duy Th trình bày:** Ông và bà Công Thị Ph có được tự do tìm hiểu và về chung sống cùng nhau từ năm 1975, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tuy nhiên hai vợ chồng không đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới thì bà Phan về chung sống cùng ông ngay, vợ chồng có thời gian dài sinh sống, bình thường, hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, làm ăn kinh tế và còn nghi ngờ nhau về tình cảm, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Công Thị Ph xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phan.

Về con chung: Ông và bà Phan có 04 con chung: Nguyễn Duy Hạnh, sinh năm 1977; Nguyễn Duy Huy, sinh năm 1979; Nguyễn Duy Thi, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1983, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, đã lập gia đình, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung; ruộng đất, công sức: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, ông có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 28; Điều 35; Điều 39 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Công Thị Ph được ly hôn ông Nguyễn Duy Th.

2. Về án phí: Bà Công Thị Ph không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi. Hoàn trả bà Phan số tiền tạm ứng án phí đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Công Thị Ph và bị đơn là ông Nguyễn Duy Th đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Bà Công Thị Ph và ông Nguyễn Duy Th đều xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định, UBND thị trấn

Thăng xác định sổ sách theo dõi về việc kết hôn hiện không còn lưu giữ được, nên không thể xác định được việc bà Phan và ông Thêm có đăng ký kết hôn tại UBND xã hay không. Tuy nhiên qua xác minh thực tế tại địa phương và lời khai của các đương sự có thể xác định bà Công Thị Ph và ông Nguyễn Duy Th có được tự do tìm hiểu và về chung sống cùng nhau từ năm 1975, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, tuy nhiên hai vợ chồng không đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*; tuy nhiên tại điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *“a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.”* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: *“...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”*.

Như vậy đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì bà Phan và ông Thêm có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, việc bà Phan, ông Thêm tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không đăng ký kết hôn thì vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ khi chung sống vợ chồng có thời gian dài sinh sống, bình thường, hạnh phúc, đến năm 1985 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Thêm ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2011 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông Thêm cũng xác định vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên trình bày khác nhau nhưng cả hai ông bà đều xác định đến nay không còn tình cảm với nhau nữa, sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn đã xảy ra trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được; bà Công Thị Ph xin được ly hôn với ông Nguyễn Duy Th cần được chấp nhận.

Về con chung: Các bên đều xác định con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]- Về án phí: Bà Công Thị Ph thuộc đối tượng người cáo tuổi được miễn miễn án phí, hoàn trả cho bà Phan số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]- Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39 ;Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a, mục 3 Nghị quyết số Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Công Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Duy Th.
2. Về án phí: Bà Công Thị Ph thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí HNGĐ sơ thẩm.

Hoàn trả bà Công Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002860 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Ngô Thanh Thuận

